TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/2/2026
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 778/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; thường trú: Ấp S, xã L, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số H đường T, khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đậu Văn C, sinh năm 1981; thường trú: Ấp S, xã L, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số H đường T, khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị N và ông Đậu Văn C có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đậu Văn C1 sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) theo giấy đăng ký kết hôn số 57/2013, quyển số 01, ngày 15/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại số H đường T, khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên cãi vã, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã cố gắng thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vì vậy đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Đậu Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đậu Khoa Đ, sinh ngày 27/4/2015. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đậu Khoa Đ và không yêu cầu ông Đậu Văn C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Đậu Văn C trình bày:

Ông Đậu Văn C thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông C thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay ông C không còn tình cảm với bà N, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Sau khi ly hôn ông Đậu Văn C đồng ý giao con chung tên Đậu Khoa Đ, sinh ngày 27/4/2015 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục. Ông Đậu Văn C không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Đậu Văn C có địa chỉ cư trú tại số H đường T, khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đậu Văn C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) theo giấy đăng ký kết hôn số 57/2013, quyển số 01, ngày 15/10/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Bà N xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân khoảng 06 tháng nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu ly hôn. Quá trình tố tụng, ông Đậu Văn C thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay ông C không còn tình cảm với bà N, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông C đều thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Đậu Khoa Đ, sinh ngày 27/4/2015. Khi ly hôn bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, lời khai của cháu Đ cũng thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng ông C cũng đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện không yêu cầu ông Đậu Văn C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị N và ông Đậu Văn C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc ly hôn, nuôi con với ông Đậu Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Đậu Văn C (Theo Giấy đăng ký kết hôn số 57/2013 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 15/10/2013).

Về con chung: Ông Đậu Văn C có trách nhiệm giao con chung tên Đậu Khoa Đ, sinh ngày 27/4/2015 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Đậu Văn C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, ông Đậu Văn C có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, bà Nguyễn Thị N có quyền cản trở ông Đậu Văn C thực hiện quyền này. Trường hợp bà N, ông C lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông/bà nuôi con thì ông/bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị N và ông Đậu Văn C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0041025 ngày 21/11/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Lộc Quang, tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Trần Thị Thắm

Phan Văn Cường Tô Văn Nhung

Tô Văn Nhung Phan Văn Cường